

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2022

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Liềm

2. Ông Tô Hải Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2022 giữa:

Nguyên đơn: anh Danh Thiên Ph, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: chị Hứa Tiểu L, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 04/3/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Danh Thiên Ph trình bày:**

Anh và chị L quen biết và tìm hiểu nhau được một thời gian thì quyết định kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang ngày 28/4/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng được nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị L. Vợ chồng anh có hai người con chung tên Danh Hứa Thiên H1, sinh ngày 14/2/2008 và Danh Hứa Thiên H2, sinh ngày 30/7/2014 đang sống chung với gia đình. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh Ph yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân anh yêu cầu được ly hôn với chị Hứa Tiểu L. Về con chung anh Ph đồng ý giao hai con cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai đề ngày 08/3/2022 bị đơn chị Hứa Tiểu L trình bày:** Chị và anh Danh Thiên Ph kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao ngày 28/4/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn nhưng không có chuyện gì lớn chỉ là cãi nhau bình thường, thời gian gần đây vợ chồng ít nói chuyện với nhau và không có tiếng nói chung vì anh Ph có quen người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh Ph có hai người con chung tên Danh Hứa Thiên H1, sinh ngày 14/2/2008 và Danh Hứa Thiên H2, sinh ngày 30/7/2014 đang sống chung với gia đình.

Nguyên vọng chị L: Về hôn nhân chị không đồng ý ly hôn với anh Ph vì chị còn thương chồng và thương con nên chị muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu anh Ph cương quyết ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Danh Thiên Ph khởi kiện ly hôn với chị Hứa Tiểu L là vụ án “tranh chấp ly hôn và nuôi con” nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao thụ lý, giải quyết là phù hợp tại các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Hứa Tiểu L là bị đơn nhưng chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt của chị L không gây trở ngại khi xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: anh Danh Thiên Ph xác lập quan hệ hôn nhân với chị Hứa Tiểu L vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 51/2006 ngày 28 tháng 04 năm 2007, cho nên theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Ph là anh có nguyên vọng được ly hôn với chị L lý do hai người không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không có tiếng nói chung dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn hôn nhân được nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị L. Còn chị L thì không đồng ý ly hôn và chị yêu cầu vợ chồng đoàn tụ vì chị còn thương anh Ph và

thương con. Toàn án đã tiến hành mở phiên hòa giải cụ thể là vào ngày 17/3/2022 và ngày 31/3/2022 nhằm động viên anh chị hàn gắn hôn nhân nhưng chị L không dự mà chị có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, anh Ph đã tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ph.

[2.3] Về con chung: anh Ph và chị L đều khai có hai người con chung Danh Hứa Thiên H1, sinh ngày 14/2/2008 và Danh Hứa Thiên H2, sinh ngày 30/7/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ph và chị L tự nguyện thỏa thuận là giao hai con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; đồng thời cháu H1 và H2 cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị L. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận của anh chị trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với thực tế, đúng với nguyện vọng của hai con, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ph và chị L đều xác nhận không có nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng anh Ph phải nộp do anh có yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận cho anh Danh Thiên Ph được ly hôn với chị Hứa Tiểu L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Ph và chị L là giao Danh Hứa Thiên H1, sinh ngày 14/2/2008 và Danh Hứa Thiên H2, sinh ngày 30/7/2014 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí HNST: Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng anh Ph phải nộp do chị có yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số

006705 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Ph đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho anh Ph được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18/4/2022. Chị L có quyền biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM/. HỌI ĐỒNG XÃ XÃ THỘM
THỘM PHỒN-CHỖ TẠ PHỒN TẠ

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh